

Số: 70/2016/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể cấp tỉnh và huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn từ năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể cấp tỉnh và huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn từ năm 2017; Báo cáo thẩm tra số 278/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể cấp tỉnh và huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện), xã, phường, thị trấn năm 2017 (gọi chung là xã), như sau:

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

a) Đối với cấp tỉnh:

- Sự nghiệp giáo dục:

+ Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục theo cơ cấu tỷ lệ:

Cơ cấu dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục	100%
- Chi lương, các khoản có tính chất lương	82%
- Chi nhiệm vụ giáo dục (không kể nguồn thu học phí)	18%

Tỷ lệ chi nhiệm vụ giáo dục (không kể nguồn thu học phí) 18%, bao gồm các hoạt động liên quan đến sự nghiệp giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Quỹ tiền lương của định mức trên được tính theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương). Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt được tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

+ Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định, gồm:

Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.

Kinh phí hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn.

Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Đối với kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, căn cứ đối tượng thực tế theo phân cấp bổ sung cho đơn vị theo quy định.

- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

+ Căn cứ tổng dự toán chi thường xuyên theo định mức phân bổ của cấp có thẩm quyền, các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp trong các lĩnh vực, yêu cầu tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, giảm dần mức hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng chế độ chính sách do địa phương ban hành.

+ Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị đào tạo trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước. Thủ trưởng đơn vị ở cấp tỉnh có trách nhiệm công khai, minh bạch mức kinh phí cấp cho các đơn vị trực thuộc.

+ Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp đào tạo mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung đào tạo: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan cấp tỉnh sẽ thảo luận cụ thể kinh phí tăng thêm trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị trong kỳ thảo luận dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

b) Đối với ngân sách cấp huyện:

- Sự nghiệp giáo dục:

+ Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục theo cơ cấu tỷ lệ:

Cơ cấu dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục	100%
- Chi lương, các khoản có tính chất lương	82%
- Chi nhiệm vụ giáo dục (không kể nguồn thu học phí)	18%

Quỹ tiền lương được tính theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương), trong đó bao gồm phụ cấp cho giáo viên dạy nhóm trẻ, lớp mẫu giáo cộng đồng. Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt được tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

Đối với tỷ lệ chi nhiệm vụ giáo dục (không kể nguồn thu học phí) 18%, bao gồm các hoạt động liên quan đến sự nghiệp giáo dục trên địa bàn huyện. Tùy tình hình thực tế trên địa bàn, Hội đồng nhân dân cấp huyện phân bổ chi cho phù hợp. Đồng thời gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định, gồm:

Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi.

Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.

Đối với kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, căn cứ đối tượng thực tế bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện theo quy định.

- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

+ Định mức phân bổ theo quỹ lương của khối đào tạo cấp huyện, bao gồm Trung tâm Bồi dưỡng chính trị và Trung tâm Dạy nghề - Giáo dục thường xuyên:

Quỹ tiền lương được tính theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương). Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt được tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

+ Định mức phân bổ kinh phí hoạt động:

Đối với Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên 20 triệu đồng/biên chế/năm. Đồng thời, định mức phân bổ chi đào tạo bồi dưỡng chính trị cho các đối tượng trên địa bàn huyện là 07 triệu đồng/ấp, khóm/năm.

Đối với Trung tâm Dạy nghề - Giáo dục thường xuyên, định mức phân bổ kinh phí hoạt động theo cơ cấu tỷ lệ:

Cơ cấu dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục	100%
- Chi lương, các khoản có tính chất lương	82%
- Chi nhiệm vụ giáo dục (không kể nguồn thu học phí)	18%

+ Đối với Trung tâm học tập cộng đồng được phân bổ 16 triệu đồng/Trung tâm học tập cộng đồng/năm, bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ tham gia vào hoạt động quản lý Trung tâm hàng năm.

+ Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo bằng cấp tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn được trợ cấp thêm theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

Ngoài ra, định mức hàng năm bổ sung đảm bảo chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo không thấp hơn dự toán năm trước, chưa kể tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương của ngân sách cấp huyện theo quy định.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

a) Căn cứ tổng dự toán chi thường xuyên theo định mức phân bổ của cấp có thẩm quyền, các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp trong các lĩnh vực, yêu cầu tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, giảm dần mức hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng chế độ chính sách do địa phương ban hành.

b) Ngoài ra còn bổ sung kinh phí:

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi được thực hiện theo chế độ Nhà nước quy định.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo được thực hiện theo chế độ Nhà nước quy định.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật được thực hiện theo chế độ Nhà nước quy định.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ được thực hiện theo chế độ Nhà nước quy định.

- Kinh phí hỗ trợ bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên được thực hiện theo chế độ Nhà nước quy định.

- Kinh phí hỗ trợ bảo hiểm y tế cho Cựu chiến binh đã tham gia kháng chiến từ ngày 30/4/1975 trở về trước theo Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg được thực hiện theo chế độ Nhà nước quy định.

3. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

a) Chi quản lý hành chính cấp tỉnh:

- Phân bổ kinh phí hoạt động theo chỉ tiêu biên chế cấp tỉnh như sau:

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
I	Các cơ quan cấp sở, khối đảng, đoàn thể cấp tỉnh		
1	Trên 30 biên chế	đồng/biên chế/năm	20.000.000
2	Biên chế khối đảng	đồng/biên chế/năm	25.000.000

3	Biên chế HĐND tỉnh	đồng/biên chế/năm	25.000.000
4	Biên chế Văn phòng UBND tỉnh	đồng/biên chế/năm	25.000.000
5	Từ 20 đến 30 biên chế	đồng/biên chế/năm	21.000.000
6	Dưới 20 biên chế	đồng/biên chế/năm	22.000.000
II	Các đơn vị quản lý hành chính trực thuộc cấp sở	đồng/biên chế/năm	19.000.000

- Đối với cán bộ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ được phân bổ đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

- Định mức phân bổ quỹ lương của cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh, quỹ lương được tính theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương). Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt được tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

- Định mức phân bổ trên là cơ sở để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đối với chi đảm bảo hoạt động của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được tính trên cơ sở định mức, chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này để xây dựng dự toán chi ngân sách.

- Đối với các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp (bao gồm các tổ chức không giao biên chế) được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

b) Chi quản lý hành chính cấp huyện:

- Phân bổ kinh phí hoạt động chi quản lý hành chính cấp huyện.

+ Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế:

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
Các cơ quan quản lý hành chính cấp huyện	đồng/biên chế/năm	20.000.000

Định mức phân bổ trên được tính theo số biên chế của từng đơn vị được cấp có thẩm quyền giao (không bao gồm lương và các khoản có tính chất lương).

+ Phân bổ theo đơn vị hành chính cấp huyện, định mức phân bổ 1.730 triệu đồng/huyện/năm, bao gồm nhiệm vụ đặc thù của các hội cấp huyện.

+ Đối với cán bộ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ được phân bổ đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

- Phân bổ theo quỹ lương của cơ quan quản lý hành chính cấp huyện.

Quỹ lương của cơ quan quản lý hành chính cấp huyện được tính theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương). Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt được tính theo hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ ở mức lương cơ sở hiện hành.

- Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, định mức phân bổ bao gồm chi phụ cấp, chế độ bảo hiểm y tế và một số chế độ định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân cấp huyện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Ngoài định mức phân bổ nêu trên, phân bổ thêm cho các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp cấp huyện như sau:

+ Đối với hội có tính chất đặc thù cấp huyện được phân bổ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

+ Đối với các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp (bao gồm các tổ chức không giao biên chế) được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật được phân bổ thêm 250 triệu đồng/huyện/năm. Giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ phù hợp tính chất hoạt động của từng tổ chức.

c) Chi quản lý hành chính cấp xã:

- Phân bổ kinh phí hoạt động chi quản lý hành chính ở xã, phường, thị trấn theo tiêu chí định biên:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
1	Xã loại 1: 47 người	đồng/định biên/năm	6.000.000
2	Xã loại 2: 43 người	đồng/định biên/năm	6.000.000
3	Xã loại 3: 40 người	đồng/định biên/năm	6.000.000

Kinh phí hoạt động nêu trên (không bao gồm lương và các khoản có tính chất lương) tính cho cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo xã loại 1, xã loại 2, xã loại 3 và định biên cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã (người hoạt động không chuyên trách cấp xã được quy định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền).

Ngoài định mức phân bổ chi theo định biên nêu trên, phân bổ thêm theo đơn vị hành chính cấp xã, định mức phân bổ 530 triệu đồng/xã/năm.

+ Phân bổ theo quỹ lương, phụ cấp của cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Định mức phân bổ quỹ lương, phụ cấp của cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã được tính theo số định biên quy định (bao gồm: lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương).

+ Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, định mức phân bổ bao gồm chi phụ cấp, chế độ bảo hiểm y tế và một số chế độ định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân cấp xã theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Đối với cấp ủy viên, định mức phân bổ bao gồm phụ cấp và một số chế độ định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Đảng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Phân bổ theo tiêu chí ấp, khóm với định mức 70 triệu đồng/ấp, khóm/năm, trong đó có kinh phí bầu cử trường ấp, khóm.

+ Đối với các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp cấp xã, được phân bổ:

Hội có tính chất đặc thù cấp xã được phân bổ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Các tổ chức đoàn thể ở xã, phường, thị trấn (gồm: Hội Khuyến học, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Câu Lạc bộ Cựu quân nhân), được phân bổ 25 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

+ Đối với kinh phí hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn, được hỗ trợ 02 triệu đồng/Chi hội/năm.

Kinh phí hỗ trợ các hội không thuộc hội có tính chất đặc thù được thực hiện theo cơ chế đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Định mức chi quản lý hành chính bao gồm chế độ hỗ trợ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, Hội có tính chất đặc thù được giao biên chế cấp tỉnh, cấp huyện.

Trên cơ sở định mức nêu trên, nếu tỷ lệ chi hoạt động (không kể lương và các khoản có tính chất lương) nhỏ hơn 25% so với tổng chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể sẽ được bổ sung tối thiểu 25%; đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương tối đa 75%.

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá - thông tin:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
a	Chi sự nghiệp VH TT cấp tỉnh	đồng/người dân/năm	15.000
b	Chi sự nghiệp VH TT cấp huyện	đồng/người dân/năm	10.000
c	Chi sự nghiệp VH TT cấp xã	đồng/người dân/năm	4.000
Dự toán chi sự nghiệp VH TT toàn tỉnh		đồng/người dân/năm	29.000

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Đối với Đoàn nghệ thuật truyền thống, được phân bổ thêm kinh phí 510 triệu đồng/Đoàn nghệ thuật truyền thống/năm.

- Đối với đội thông tin lưu động cấp huyện được phân bổ thêm kinh phí 250 triệu đồng/đội thông tin lưu động/năm.

- Đối với khu/điểm du lịch quốc gia, được phân bổ thêm kinh phí 3.000 triệu đồng/khu, điểm du lịch quốc gia/năm.

- Đối với kinh phí thực hiện “Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được phân bổ thêm 05 triệu đồng/ấp nội địa/năm; 07 triệu đồng/ấp biên giới/năm.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình:

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
a	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình cấp tỉnh	đồng/người dân/năm	4.000
b	Chi sự nghiệp phát thanh cấp huyện	đồng/người dân/năm	7.000
c	Chi sự nghiệp phát thanh cấp xã	đồng/người dân/năm	7.000
Dự toán chi sự nghiệp PTTT toàn tỉnh		đồng/người dân/năm	18.000

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
a	Chi sự nghiệp TDTT cấp tỉnh	đồng/người dân/năm	8.000
b	Chi sự nghiệp TDTT cấp huyện	đồng/người dân/năm	3.000
c	Chi sự nghiệp TDTT cấp xã	đồng/người dân/năm	3.000
Dự toán chi sự nghiệp TDTT toàn tỉnh		đồng/người dân/năm	14.000

b) Ngoài phân bổ định mức theo tiêu chí dân số, định mức bổ sung theo số vận động viên cấp quốc gia thành tích cao và vận động viên khuyết tật theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
a	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp tỉnh	đồng/người dân/năm	23.000
b	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp huyện	đồng/người dân/năm	8.000
c	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp xã	đồng/người dân/năm	3.000
Dự toán chi sự nghiệp ĐBXH toàn tỉnh		đồng/người dân/năm	34.000

b) Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Đối với kinh phí để thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết (gia đình: liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) ngoài chế độ phụ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần do ngân sách trung ương đảm bảo, ngân sách huyện còn được phân bổ thêm 500.000 đồng/gia đình thuộc diện chính sách/năm để có thêm kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.

- Ngoài ra còn bổ sung kinh phí:

+ Đối với kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ được bổ sung theo chế độ quy định.

+ Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ được bổ sung theo chế độ quy định.

Đối với các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như: kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội,... căn cứ đối tượng thực tế bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

8. Định mức phân bổ chi quốc phòng:

a) Đối với cấp tỉnh (phân bổ theo tiêu chí dân số):

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
Chi công tác quốc phòng cấp tỉnh	đồng/người dân/năm	14.000

b) Đối với cấp huyện, xã (phân bổ theo tiêu chí ấp, khóm):

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
a	Chi công tác quốc phòng cấp huyện	đồng/ấp, khóm/năm	24.000.000
b	Chi công tác quốc phòng cấp xã	đồng/ấp, khóm/năm	12.000.000
Dự toán chi sự nghiệp quốc phòng cấp huyện		đồng/ấp, khóm/năm	36.000.000

Định mức phân bổ trên (chưa bao gồm chi trang phục cho dân quân tự vệ, diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh) để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và đảm bảo kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ theo Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

c) Ngoài ra, định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Đối với huyện biên giới, phân bổ thêm kinh phí cho ngân sách cấp huyện với mức 800 triệu đồng/xã biên giới/năm. Tùy tình hình thực tế tại các xã biên giới, Hội đồng nhân dân huyện quyết định kinh phí phân bổ thêm cho các xã biên giới để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

- Đối với xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng - an ninh được phân bổ thêm kinh phí 200 triệu đồng/xã, phường, thị trấn trọng điểm/năm. Tùy tình hình thực tế tại các xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng - an ninh, Hội đồng nhân dân huyện quyết định kinh phí phân bổ thêm cho các xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng - an ninh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh.

- Đối với lực lượng dân quân, định mức phân bổ theo chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị; theo chế độ phụ cấp thâm niên; theo chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự quy định tại Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ.

- Đối với trường hợp phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về quốc phòng; có tổ chức diễn tập phòng thủ khu vực được Quân khu giao, ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ.

9. Định mức phân bổ chi an ninh:

a) Đối với cấp tỉnh (phân bổ theo tiêu chí dân số):

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
Chi công tác an ninh cấp tỉnh	đồng/người dân/năm	11.000

b) Đối với cấp huyện, xã (phân bổ theo tiêu chí ấp, khóm):

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
a	Chi công tác an ninh cấp huyện	đồng/ấp, khóm/năm	8.000.000
b	Chi công tác an ninh cấp xã	đồng/ấp, khóm/năm	6.000.000
Dự toán chi sự nghiệp an ninh cấp huyện		đồng/ấp, khóm/năm	14.000.000

Định mức phân bổ trên (chưa bao gồm chi trang phục cho lực lượng công an viên xã) để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Ngoài định mức phân bổ theo tiêu chí ấp, khóm, định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Đối với huyện biên giới, phân bổ thêm kinh phí cho ngân sách cấp huyện với mức 600 triệu đồng/xã biên giới/năm. Tùy tình hình thực tế tại các xã biên giới, Hội đồng nhân dân huyện quyết định kinh phí phân bổ thêm cho các xã biên giới để thực hiện nhiệm vụ an ninh.

- Đối với công an viên xã, thị trấn, bao gồm phụ cấp và các khoản đóng góp được thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Đối với Ban Bảo vệ dân phố, Tổ bảo vệ dân số được thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Định mức phân bổ kinh phí trợ cấp thêm tiền trực làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại những nơi thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; phân bổ thêm phụ cấp thâm niên 1% cho Trưởng Công an xã có thời gian phục vụ liên tục từ đủ 60 tháng trở lên theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

- Đối với trường hợp phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ.

10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học - công nghệ:

Dự toán chi sự nghiệp khoa học - công nghệ được bố trí theo quy định của Trung ương, định mức phân bổ này áp dụng cho ngân sách cấp tỉnh.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

a) Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế tính bằng 10% so với tổng chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 1 đến mục 10) cho từng cấp ngân sách. Kinh phí đảm bảo công tác an toàn giao thông của lực lượng an toàn giao thông cấp huyện và cấp xã được bổ sung có mục tiêu cho các huyện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Ngoài ra, định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Đối với đô thị loại II, loại III, loại IV, loại V theo Quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ được phân bổ thêm: 46.500 triệu đồng/đô thị loại II/năm; 12.750 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 8.500 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 5.000 triệu đồng/đô thị loại V/năm. Riêng đối với kinh phí phân bổ thêm cho đô thị loại V, Hội đồng nhân dân huyện quyết định kinh phí phân bổ thêm cho các xã, thị trấn được cấp có thẩm quyền công nhận đô thị loại V theo tình hình thực tế.

- Kinh phí miễn thu thủy lợi phí được tính toán trên cơ sở dự toán kinh phí miễn thu thủy lợi phí năm 2016 được Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định để thực hiện nạo vét kênh mương, thủy lợi nội đồng, tưới tiêu,...

- Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa xác định trên cơ sở mức hỗ trợ và diện tích đất trồng lúa do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa được bổ sung có mục tiêu cho các huyện theo Quyết định giao dự toán hàng năm của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Định mức phân bổ thù lao và các khoản đóng góp cho cán bộ thú y, khuyến nông, bảo vệ thực vật xã, phường, thị trấn theo văn bản quy định của cấp có thẩm quyền.

12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường:

Định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường bố trí bằng 1% tổng chi cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách.

13. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương:

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho từng cấp ngân sách (từ mục 1 đến mục 12).

Đối với các huyện biên giới, phân bổ thêm kinh phí cho ngân sách cấp huyện với mức 800 triệu đồng/xã biên giới/năm để thực hiện nhiệm vụ quan hệ với các địa phương nước bạn.

14. Dự phòng ngân sách:

Dự phòng ngân sách bố trí 2% tổng chi cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách và đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 2. Nghị quyết này được áp dụng kể từ năm ngân sách 2017 và chu kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./. *mgl*

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP (I,II), BCTĐB;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ;
- TT/TU, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT/HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Thắng
Phan Văn Thắng